

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022 – 2024**

Thực hiện nội dung Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2022 - 2024 và trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2021, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2021, xây dựng dự toán NSNN năm 2022 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2022-2024 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

## **PHẦN I**

### **Tình hình thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương cả năm 2021**

#### **I. Về tình hình thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2021**

##### **1. Về thu ngân sách nhà nước:**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2021 đạt 9.453 tỷ đồng, bằng 58,9% dự toán Trung ương giao, tăng 25,7% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

- Thu nội địa đạt 6.282 tỷ đồng, bằng 57,1% dự toán, tăng 17,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất 3.073 tỷ đồng, đạt 61,5% dự toán, tăng 26,8% so cùng kỳ năm 2020.

- Thu hoạt động xuất nhập khẩu đạt 3.167 tỷ đồng, bằng 63,3% so dự toán năm và bằng 145,4% so với cùng kỳ năm 2020. Nếu không tính hoàn thuế GTGT (-1.156 tỷ đồng) thì thu xuất nhập khẩu đạt 86,5% dự toán Trung ương giao.

- Thu vay vốn để bù đắp bội chi: 6 tháng đầu năm 2021 là 4,5 tỷ đồng, bằng 11% dự toán Trung ương giao.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, tình hình kinh tế của tỉnh có phần khởi sắc hơn so với cùng kỳ, giá dầu thô thế giới bình quân ở mức trên 60 USD/thùng, cao hơn dự toán Trung ương giao (dự toán giao 45 USD/thùng), do đó số nộp ngân sách của Nhà máy lọc dầu Dung Quất đạt mức khá (đạt 61,5% dự toán). Đa số các khoản thu đều đảm bảo vượt tiến độ dự toán Trung ương giao. Tuy nhiên, vẫn còn một số khoản chưa đảm bảo tiến độ dự toán tỉnh giao như: Thuế bảo vệ môi trường, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu khác ngân sách, thu từ



quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; đặc biệt là thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh đạt rất thấp so với dự toán (chỉ đạt 7,1% dự toán HĐND tỉnh giao), nguyên nhân là do còn vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; xác định giá và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất còn chậm. Nếu không tính thu tiền sử dụng đất thì thu nội địa đạt 5.913 tỷ đồng, bằng 58,8% dự toán Trung ương giao và tăng 19% so với cùng kỳ năm trước.

## 2. Về chi ngân sách địa phương:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm đạt 4.958 tỷ đồng, bằng 47,1% dự toán Trung ương giao, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt 836 tỷ đồng, bằng 32,3% so dự toán năm;
- Chi thường xuyên đạt 4.120 tỷ đồng, bằng 53,3% so dự toán năm;
- Chi trả nợ lãi vay 0,396 tỷ đồng, bằng 18% dự toán năm;
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1,1 tỷ đồng, bằng 100% dự toán năm.

b) Chi thực hiện các chương trình mục tiêu từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu đạt 550 tỷ đồng, bằng 36,2% dự toán năm.

## II. Nhiệm vụ thu, chi NSNN năm 2021

### 1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2021

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2021 ước đạt 18.823 tỷ đồng, bằng 117,3% dự toán Trung ương giao; tăng 28,9% so với thực hiện năm 2020 (*Chi tiết tại Phụ lục số 01*). Trong đó:

a) Thu nội địa cả năm ước đạt 12.319 tỷ đồng, bằng 111,9% dự toán Trung ương giao; bằng 116,4% so với thực hiện năm 2020. Trong đó:

- Thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất đạt 6.993 tỷ đồng, bằng 139,9% dự toán, bằng 157,0% so với thực hiện năm 2020.
- Các khoản thu còn lại (*trừ thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất*) đạt 5.326 tỷ đồng, bằng 88,7% dự toán, bằng 86,9% so cùng kỳ năm 2020. Trừ thu tiền sử dụng đất thì đạt 93,5% dự toán, bằng 92,2% so cùng kỳ năm 2020.

\* *Đánh giá một số khoản thu, sắc thuế:*

(1) Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương: Ước thu cả năm 7.305 tỷ đồng, bằng 136,1% dự toán Trung ương giao, tăng 52,8% so với năm 2020; tăng thu chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Dự kiến cả năm Nhà máy lọc dầu Dung Quất sản xuất 6,3 triệu tấn, giá dầu thô bình quân cả năm 61,8 USD/thùng (*tăng 16,8 USD/thùng so với giá dự toán*); tỷ trọng sản lượng dầu thô nhập từ mỏ Bạch Hổ chiếm 24,5%/tổng sản lượng dầu thô nhập vào. Các khoản nộp ngân sách ước đạt 6.993 tỷ đồng, bằng 139,9% dự toán và tăng 57% so với so cùng kỳ; bao gồm: Thuế GTGT 3.043 tỷ đồng (*bằng 158% dự toán*), thuế TTĐB 3.918 tỷ đồng (*bằng 134,9% dự toán*), thuế TNDN 32 tỷ đồng (*bằng 18,8% dự toán*).



(2) Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ước thu đạt 284 tỷ đồng, bằng 109,2% dự toán, bằng 90,1% so với cùng kỳ.

(3) Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh: Ước thu đạt 2.248 tỷ đồng, bằng 93,3% dự toán và bằng 91,9% so cùng kỳ. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên các khoản thu từ khu vực này đều giảm và không đạt dự toán giao.

(4) Thuế thu nhập cá nhân: Ước thu đạt 410 tỷ đồng, bằng 124,2% dự toán, bằng 98,4% so cùng kỳ.

(5) Thuế bảo vệ môi trường: Ước thu cả năm 720 tỷ đồng, bằng 80,9% dự toán và bằng 88,6% so với cùng kỳ năm 2020.

(6) Thu tiền sử dụng đất: Ước thu cả năm đạt 600 tỷ đồng, bằng 63,2% dự toán, bằng 59,6% so với cùng kỳ năm 2020.

(7) Thu khác ngân sách: Ước thu cả năm đạt 170 tỷ đồng, bằng 82,9% dự toán, bằng 82,5% so cùng kỳ năm 2020.

Theo dự kiến thu NSNN năm 2021 như trên, thì thu cân đối phần NSDP được hưởng theo phân cấp là 10.456 tỷ đồng, tăng so với dự toán Trung ương giao là 1.215 tỷ đồng, tương ứng tăng 13,2%; chủ yếu là tăng thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

b) Thu hoạt động xuất nhập khẩu cả năm 2021 ước đạt 6.463 tỷ đồng, bằng 129,3% dự toán Trung ương giao; nếu không tính hoàn thuế GTGT (*dự kiến - 1.300 tỷ đồng*) thì thu đạt 7.763 tỷ đồng, tăng 55,3% so với dự toán giao, tăng 47,2% so với năm 2020. Nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu chủ yếu thu từ Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất và thu từ dầu thô nhập khẩu của Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.

c) Thu vay vốn để bù đắp bội chi: Năm 2021 ước đạt 41,3 tỷ đồng từ nguồn vay lại của Chính phủ, bằng 100% dự toán Trung ương.

## **2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương năm 2021**

a) Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương (*chi tiết tại Phụ lục số 02*):

a1) Ước chi cân đối ngân sách địa phương cả năm là 10.328 tỷ đồng, bằng 98,2% dự toán Trung ương giao, bằng 69% so với năm 2020; trong đó:

- Chi đầu tư phát triển ước đạt 2.237 tỷ đồng, bằng 86,4% dự toán giao;
- Chi thường xuyên ước đạt 8.088 tỷ đồng, bằng 104,7% dự toán giao;
- Chi trả nợ lãi vay: 1,2 tỷ đồng;
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,1 tỷ đồng.

a2) Chi các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu là 1.530 tỷ đồng, bằng 100,6% dự toán giao.

b) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ĐTPT



### b1) Tình hình phân bổ, giao dự toán chi ĐTPT năm 2021

Việc bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi ĐTPT cho các dự án, công trình trong năm 2021 tuân thủ theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2021, được UBND tỉnh Quảng Ngãi phân bổ kịp thời và đúng quy định theo các thông báo vốn của Trung ương về mục tiêu, cơ cấu và chỉ tiêu kế hoạch vốn giao.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 được tỉnh giao là 5.236,6 tỷ đồng. Trong đó: Vốn ngân sách địa phương là 4.238,6 tỷ đồng (*bao gồm: vốn XDCCB tập trung là 1.485,3 tỷ đồng, vốn quỹ đất 2.600 tỷ đồng, vốn xổ số kiến thiết là 112 tỷ đồng và nguồn bội chi là 41,3 tỷ đồng*); vốn ngân sách Trung ương là 997,1 tỷ đồng (*bao gồm: vốn trong nước là 840,8 tỷ đồng và vốn nước ngoài là 156,3 tỷ đồng*).

Năm 2021 tỉnh đã bố trí 30 tỷ đồng để trả nợ quyết toán; bố trí 426,2 tỷ đồng để thu hồi vốn ứng trước và trả nợ ngân sách (bao gồm: vốn ngân sách địa phương là 162,3 tỷ đồng và vốn ngân sách trung ương là 263,9 tỷ đồng).

Về điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2021, dự kiến sẽ điều chỉnh giảm nguồn vốn quỹ đất là 2.000 tỷ đồng và nguồn vốn xổ số kiến thiết là 22 tỷ đồng theo số thu dự kiến năm 2021.

### b2) Tình hình thực hiện chi ĐTPT năm 2021

Đến 30/6/2021, tổng số vốn đã giải ngân là 1.209 tỷ đồng, đạt 33,7% kế hoạch vốn giao, cụ thể: vốn đầu tư từ ngân sách địa phương thanh toán 815,9 tỷ đồng, đạt 31,5% kế hoạch vốn; vốn ngân sách Trung ương thanh toán 393,1 tỷ đồng, đạt 39,4% kế hoạch vốn.

Dự kiến đến cuối năm 2021 sẽ giải ngân 3.213,7 tỷ đồng, đạt 89,6% tổng kế hoạch vốn Trung ương giao. Trong đó: Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương ước giải ngân 2.216,6 tỷ đồng, đạt 85,6% kế hoạch vốn; vốn ngân sách Trung ương ước giải ngân 997,1 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn (lý do ước giải ngân năm 2021 đạt thấp 89,6% là do dự kiến nguồn thu từ tiền sử dụng đất và xổ số giảm).

- Đánh giá chung: Tình hình thực hiện và giải ngân các công trình xây dựng cơ bản của địa phương trong 6 tháng đầu năm 2021 đã đạt được những kết quả nhất định (đạt 33,7%); trong đó có một số chương trình, dự án đạt khá (kết quả trên 50% kế hoạch vốn giao). Tuy nhiên, tỷ lệ giải ngân trong 6 tháng đầu năm 2021 là thấp, chưa đạt kế hoạch, nhiều dự án tiến độ thực hiện còn chậm chưa đạt yêu cầu; theo đó trong thời gian tới cần có giải pháp quyết liệt, khắc phục.

- Một số nguyên nhân giải ngân chậm: Nguyên nhân giải ngân đạt thấp là do bị ảnh hưởng trong bối cảnh đại dịch Covid-19, không tập trung được nhân lực và vật lực để thi công; việc phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2021 đối với một số chương trình, dự án còn chậm; một số dự án khởi công mới, trong thời gian qua chủ yếu tập trung hoàn thiện thủ tục hồ sơ, lựa chọn nhà thầu theo quy



định; đối với công trình chuyển tiếp một số dự án do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng, một số dự án cùng một thời điểm vừa thực hiện để thanh toán khối lượng kế hoạch vốn giao năm 2021 và thanh toán thu hồi ứng của các năm trước, một số công trình công tác nghiệm thu khối lượng, thanh toán còn chậm so với khối lượng hoàn thành tại hiện trường; ngoài ra một số dự án, chương trình mục tiêu chưa phân khai cũng ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân; đối với các dự án thực hiện từ nguồn quỹ đất giải ngân chậm vì nguồn thu chưa đảm bảo theo nhu cầu tiến độ thực hiện dự án.

b3) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2021

Năm 2021, UBND tỉnh giao kế hoạch vốn 2.600 tỷ đồng để thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất; trong đó: bố trí để thực hiện các dự án do tỉnh quản lý là 1.525 tỷ đồng, bổ sung có mục tiêu cho huyện, thị xã, thành phố là 201 tỷ đồng, phân giao huyện, thành phố thu chi là 874 tỷ đồng.

Dự kiến sẽ điều chỉnh giảm nguồn vốn quỹ đất năm 2021 là 2.000 tỷ đồng do hụt thu theo dự kiến năm 2021. Cuối năm 2021 ước sẽ giải ngân 600 tỷ đồng, đạt 63,2% kế hoạch vốn Trung ương giao.

b4) Tình hình triển khai các dự án, chương trình từ nguồn vay của địa phương: Năm 2021, tỉnh đã bố trí 41,3 tỷ đồng để thực hiện dự án: Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi là 7 tỷ đồng, Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) là 17,5 tỷ đồng, Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi là 16,7 tỷ đồng. Đến ngày 30/6/2021, chưa có giải ngân. Dự kiến đến cuối năm 2021 sẽ giải ngân đạt 100% kế hoạch giao.

b5) Về công tác quyết toán dự án hoàn thành năm 2021

Tổng số dự án đề nghị thẩm tra quyết toán dự kiến trong năm 2021 là 80 dự án (trong đó có 6 dự án năm 2020 chuyển sang). Số vốn còn lại chưa được bố trí để thanh toán theo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành là 57,1 tỷ đồng.

Hết tháng 7 năm 2021, thẩm tra, trình phê duyệt quyết toán là 40 dự án; với tổng giá trị đề nghị quyết toán 1.111,7 tỷ đồng; tổng giá trị thẩm tra được quyết toán là 1.110,6 tỷ đồng, qua thẩm tra đã xuất toán loại bỏ những giá trị bất hợp lý, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước 1,1 tỷ đồng. Số vốn còn lại chưa được bố trí để thanh toán theo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành là 27,1 tỷ đồng.

Dự kiến 5 tháng còn lại năm 2021, số dự án được quyết toán là 40; số vốn còn lại cần bố trí để thanh toán theo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành khoản 30 tỷ đồng.

c) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

c1) Tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên



Việc tổ chức thực hiện dự toán chi ngân sách trên địa bàn tỉnh đảm bảo thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 50/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, số 44/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021; Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2021.

c2) Đánh giá việc thực hiện cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ:

UBND tỉnh đã triển khai thực hiện việc cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 6299/BTC-NSNN ngày 11/6/2021 về việc tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ; theo đó các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã nghiêm túc thực hiện việc cắt giảm và tiết kiệm chi năm 2021.

Kết quả thực hiện cắt, giảm và tiết kiệm thêm 10% kinh phí còn lại năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là 62,486 tỷ đồng; trong đó:

- Cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại của năm 2021: 12,470 tỷ đồng.

- Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021: 49,553 tỷ đồng.

- Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm từ nguồn thu phí, thu nghiệp vụ được để lại: 0,463 tỷ đồng.

c3) Tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy:

- Tổng số biên chế giảm là 210 đối tượng, trong đó tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP là 178 đối tượng, tinh giản biên chế theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP là 32 đối tượng.

- Số kinh phí NSNN cấp tỉnh tiết kiệm được năm 2021 giảm so với năm 2020 là 69,177 tỷ đồng, bao gồm khối hành chính, Đảng, đoàn thể và Khối sự nghiệp công lập (Kinh phí tự chủ năm 2020 là 1.054,583 tỷ đồng, Kinh phí tự chủ năm 2021 là 985,406 tỷ đồng).

- Số kinh phí phải bố trí từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ: số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, UBND tỉnh đã phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ đợt 1 năm 2021 là 57 người (Trong đó các cơ quan, đơn vị thuộc khối tỉnh



có 14 cán bộ, công chức, viên chức; các cơ quan đơn vị thuộc khối huyện, thị xã, thành phố: 43 cán bộ, công chức, viên chức) với tổng kinh phí NSNN chi để thực hiện chính sách là 9,384 tỷ đồng (khối tỉnh 2,268 tỷ đồng; khối huyện 7,116 tỷ đồng). Dự kiến cả năm 2021, UBND tỉnh phê duyệt 178 đối tượng tinh giản biên chế (Trong đó khối tỉnh có 24 người, khối huyện có 154 kinh phí NSNN bố trí để thực hiện chính sách tinh giản biên chế là 29,371 tỷ đồng (Trong đó khối tỉnh là 3,5 tỷ đồng, khối huyện 25,870 tỷ đồng).

Trong 6 tháng đầu năm 2021, UBND tỉnh đã phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ là 06 người (Trong đó các cơ quan đơn vị thuộc khối huyện, thị xã, thành phố: 06 cán bộ, công chức, viên chức) với tổng kinh phí NSNN chi để thực hiện chính sách là 0,6 tỷ đồng. Dự kiến cả năm 2021, UBND tỉnh phê duyệt 32 đối tượng tinh giản biên chế với kinh phí NSNN bố trí để thực hiện chính sách tinh giản biên chế là 4,4 tỷ đồng (Trong đó khối tỉnh 2,5 tỷ; khối huyện 1,9 tỷ đồng).

c4) Thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công lập:

- Về sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập (*kế hoạch đến năm 2021 giảm tối thiểu 106 đơn vị, tương ứng với tối thiểu 10% đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2018*)

Ngày 28/6/2017, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 449/QĐ-UBND phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2025; đến thời điểm đầu năm 2018, đã giảm được 18 đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo lộ trình theo Đề án đã phê duyệt, bước đầu mang lại hiệu quả nhất định. Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương, Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2018 để tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các ĐVSNCL trên địa bàn toàn tỉnh. Kết quả thực hiện đã sắp xếp tổ chức giảm thêm 146 đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó: Lĩnh vực y tế giảm 22 đơn vị; lĩnh vực giáo dục - nghề nghiệp giảm 61 đơn vị; lĩnh vực Nông nghiệp giảm 34 đơn vị; lĩnh vực văn hóa giảm 10 đơn vị; lĩnh vực khoa học giảm 01 đơn vị; lĩnh vực tài nguyên và môi trường và sự nghiệp khác giảm 19 đơn vị.

Đến thời điểm hiện nay, tổng số ĐVSNCL thuộc khối Nhà nước sắp xếp, giảm 164 đơn vị, đạt tỷ lệ 15,47% số lượng ĐVSNCL năm 2018, vượt số lượng đề ra theo Kế hoạch số 126 của Tỉnh ủy.

- Giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2015. Chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong các ĐVSNCL (*trừ các đơn vị đảm bảo tự chủ tài chính*).

Giai đoạn từ năm 2015 đến 2021, tổng số biên chế sự nghiệp khối Nhà nước giảm 2.841 biên chế, đạt tỷ lệ 10,87% so với biên chế được giao năm 2015, đảm bảo theo Kế hoạch số 126 của Tỉnh ủy.



Hiện nay, việc hợp đồng lao động trong các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng theo quy định, không thực hiện hợp đồng trong ĐVSNCL do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, không hợp đồng quá số lượng biên chế được giao trong ĐVSNCL tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

- Về chuyển ĐVSNCL sang loại hình đơn vị tự chủ tài chính (gồm đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư): Kết quả từ 26 đơn vị năm 2015, đến nay có 39 ĐVSNCL tự chủ tài chính (*tăng 13 đơn vị*), chiếm tỷ lệ 4,78% so với tổng số ĐVSNCL (39/815).

Mặc dù số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính tăng nhiều so với số lượng năm 2015, nhưng chưa đạt theo Kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do tình hình kinh tế của tỉnh những năm gần đây khó khăn, dịch bệnh nên nhiều lĩnh vực, đơn vị sự nghiệp công lập nguồn thu không đảm bảo để chuyển sang tự đảm bảo chi thường xuyên.

- Về giảm chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước:

Giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021, giảm chi ngân sách nhà nước do tinh giản biên chế, tinh gọn tổ chức bộ máy (*bao gồm cả lĩnh vực hành chính và sự nghiệp*) khoảng 196,505 tỷ đồng, trong đó: Chi quản lý hành chính 12,707 tỷ đồng; chi sự nghiệp: 183,798 tỷ đồng.

- Về chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành Công ty cổ phần:

Thực hiện Công văn số 561/TTg-ĐMDN ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện cổ phần hóa; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 13/6/2018 để thực hiện chuyển đổi 05 đơn vị SNCL thành công ty cổ phần. Tuy nhiên, tại Công văn số 789/TTg-ĐMDN ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc báo cáo rà soát việc phê duyệt phương án chuyển đổi các ĐVSNCL; theo đó, việc cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập chỉ được thực hiện sau khi Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần. Đến nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 về chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần (*có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/02/2021*). Vì vậy, việc thực hiện cổ phần hóa một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh sẽ được thực hiện trong năm 2021.

c5) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2021 từ nguồn thu phí và thu sự nghiệp công được để lại:

Dự toán năm 2021 giao 808,138 tỷ đồng, ước thực hiện 565,740 tỷ đồng đạt khoảng 70% dự toán tính giao. Nguyên nhân không đạt dự toán là do ảnh hưởng dịch covid nên nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp giảm.

### **III. Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình MTQG**

#### **1. Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới**



a) Thực hiện Công văn số 394/BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trong năm 2021. Để sớm chủ động triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2021 trên địa bàn tỉnh, căn cứ dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, tỉnh đã tổ chức, triển khai xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

b) Tổng kinh phí được giao trong năm 2021: 233,255 tỷ đồng; bao gồm:

- Ngân sách Trung ương là 8,586 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);

- Ngân sách địa phương là 224,669 tỷ đồng, trong đó: (1) Vốn sự nghiệp 12,669 tỷ đồng; (2) Vốn đầu tư phát triển 212 tỷ đồng.

c) Ước thực hiện trong năm là 233,255 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán được giao.

## **2. Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững:**

Thực hiện Công văn số 1253/LĐT BXH-VPQGGN ngày 04/5/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững của địa phương giai đoạn 2016-2020; đồng thời, địa phương cũng đề xuất một số nội dung về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đối với tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn 2021-2025.

Năm 2021, Trung ương chưa ban hành cơ chế mới áp dụng cho giai đoạn 2021-2025, chưa có hướng dẫn địa phương thực hiện Chương trình, đồng thời cũng không bố trí dự toán thực hiện năm 2021. Vì vậy, địa phương không có cơ sở triển khai thực hiện.

## **IV. Tình hình thực hiện nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2021**

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 là 706,32 tỷ đồng; bao gồm: 50% tăng thu NSĐP (*không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết*) dự toán 2021 so dự toán 2017 Thủ tướng Chính phủ giao: -485,735 tỷ đồng; số tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2021: 113,482 tỷ đồng; số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2021: 48,009 tỷ đồng; nguồn kinh phí năm 2020 chuyển sang: 345 tỷ đồng, sau khi thực hiện các chính sách do Trung ương ban hành còn lại 149 triệu đồng; Trung ương bổ sung dự toán 2021 là 1.030,415 tỷ đồng (*trong đó, bổ sung nguồn thực hiện cải cách tiền lương do giảm thu NSĐP năm 2021 so với năm 2017 là 485,735 tỷ đồng và bổ sung để thực hiện tiền lương cơ sở là 544,68 tỷ đồng*).

- Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2021: 795,363 tỷ đồng.



- Chênh lệch nguồn và nhu cầu để thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 là: -89,042 tỷ đồng.

## **V. Đánh giá tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội và chính sách khác**

1. Chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2021 là 472,702 tỷ đồng, trong đó thực hiện theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ là 88.123 người, với tổng kinh phí được phê duyệt là 391, 41 tỷ đồng và nhu cầu kinh phí bổ sung năm 2021 do thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ (thực hiện 06 tháng cuối năm 2021) là 80,992 tỷ đồng. Kinh phí giao trong thời kỳ ổn định ngân sách là 359,958 tỷ đồng, nguồn Trung ương phải đảm bảo (80%) là 90,195 tỷ đồng ( $80\% \times (472,702 \text{ tỷ đồng} - 359,958 \text{ tỷ đồng})$ ), trong đó, Trung ương đã bổ sung trong dự toán đầu năm là 16,760 tỷ đồng, phần kinh phí còn thiếu là 73,435 tỷ đồng. Nếu trường hợp thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ trong năm 2021 (12 tháng) thì nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách trong năm 2021 là 560 tỷ đồng.

2. Chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng: Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người dân sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sống tại huyện đảo Lý Sơn nhưng chưa có thẻ BHYT; người thuộc hộ gia đình cận nghèo mới thoát nghèo, thời gian hỗ trợ 5 năm sau khi thoát nghèo theo Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 08/5/2013 (ngân sách nhà nước hỗ trợ 100%); người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 26/6/2012 (ngân sách nhà nước hỗ trợ 70%); trẻ em dưới 6 tuổi; người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội; người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật; học sinh, sinh viên; người tham gia kháng chiến chống Mỹ, cựu thanh niên xung phong, người tham gia chiến trường Lào, Campuchia; người thuộc hộ gia đình nghèo quy định tại Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/22/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều; tổng số đối tượng là 809.335 người, tương ứng với số kinh phí là 519,727 tỷ đồng. Trong năm 2021, địa phương sử dụng kinh phí đã được bố trí trong cân đối NSĐP (409,977 tỷ đồng); ngân sách Trung ương phải đảm bảo là 87,800 tỷ đồng ( $80\% \times (519,727 \text{ tỷ đồng} - 409,977 \text{ tỷ đồng})$ ), trong đó, nguồn Trung ương bổ sung trong dự toán đầu năm là 80,262 tỷ đồng, phần kinh phí còn thiếu là 7,538 tỷ đồng.

3. Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn:

a) Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Tổng kinh phí Trung ương bố trí trong cân đối là 42,812 tỷ đồng; ước thực hiện trong năm là 40,710 tỷ đồng.

b) Chính sách miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP của Chính phủ; tổng diện tích cấp bù miễn thu thủy lợi phí là 79.056 ha; nhu cầu



kinh phí thực hiện chính sách cấp bù miễn thu thủy lợi phí trong năm 2021 là 82,541 tỷ đồng; trong năm 2021, ngoài kinh phí đã được bố trí trong cân đối NSDP 75,955 tỷ đồng và nguồn địa phương (2,881 tỷ đồng), phần kinh phí còn thiếu là 3,705 tỷ đồng, trong đó, ngân sách Trung ương phải đảm bảo (80%) là 2,964 tỷ đồng.

4. Hỗ trợ tiền điện theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Hỗ trợ tiền điện trên 38.109 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội là 32,226 tỷ đồng. Ngân sách Trung ương phải đảm bảo (80%) là 25,781 tỷ đồng, trong đó, Trung ương đã bổ sung trong dự toán đầu năm là 10,018 tỷ đồng; phần kinh phí còn thiếu là 15,763 tỷ đồng. Việc chi trả được thực hiện hàng quý đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn, định mức.

5. Chính sách hỗ trợ ngư dân gặp rủi ro khi bám biển, đánh bắt xa bờ:

a) Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ tổng kinh phí dự kiến thực hiện năm 2021 là 1,410 tỷ đồng, trong đó, ngân sách Trung ương phải đảm bảo (80%) là 1,128 tỷ đồng.

b) Chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo quy định tại Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng chính phủ: Tổng nhu cầu kinh phí trong năm 2021 là 515,7 tỷ đồng; Phần ngân sách trung ương đảm bảo (80%) trong năm là 412,560 tỷ đồng, trong đó Trung ương đã bổ sung trong dự toán đầu năm là 278,258 tỷ đồng, phần còn thiếu là 134,302 tỷ đồng.

6. Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg: Tổng kinh phí triển khai thực hiện Chính sách đối với 306 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh là 3,729 tỷ đồng; kinh phí Trung ương phải đảm bảo (80%) là 2,983 tỷ đồng (80% x 3,729 tỷ đồng).

7. Chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo:

a) Chính sách học bổng đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009: Tổng nhu cầu kinh phí năm 2021 là 28,664 tỷ đồng, kinh phí đã bố trí trong cân đối là 21,490 tỷ đồng, phần kinh phí còn thiếu là 7,174 tỷ đồng (28,664 tỷ đồng – 21,490 tỷ đồng), trong đó Trung ương phải đảm bảo (80%) là 5,739 tỷ đồng.

b) Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017: Nhu cầu kinh phí năm 2021 là 92,299 tỷ đồng, kinh phí đã bố trí trong cân đối là 75,548 tỷ đồng, kinh phí Trung ương phải đảm bảo là 13,401 tỷ đồng (80% x (92,299 tỷ đồng – 75,548 tỷ đồng)), trong đó, Trung ương đã bổ sung trong dự toán đầu năm là 22,102 tỷ đồng.

c) Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ: Nhu cầu kinh phí năm 2021 là



28,595 tỷ đồng, kinh phí đã bố trí trong cân đối là 28,533 tỷ đồng, kinh phí Trung ương phải đảm bảo là 0,05 tỷ đồng ( $80\% \times (28,595 \text{ tỷ đồng} - 28,533 \text{ tỷ đồng})$ ), trong đó, Trung ương đã bổ sung trong dự toán đầu năm là 3,445 tỷ đồng.

d) Chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH - BTC ngày 31/12/2013: Nhu cầu kinh phí năm 2021 là 8,031 tỷ đồng, kinh phí đã bố trí trong cân đối là 4,691 tỷ đồng, kinh phí Trung ương phải đảm bảo là 2,668 tỷ đồng ( $80\% \times (8,031 \text{ tỷ đồng} - 4,691 \text{ tỷ đồng})$ ), trong đó, Trung ương đã bổ sung trong dự toán đầu năm là 7,084 tỷ đồng.

đ) Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015: Nhu cầu kinh phí năm 2021 là 39,403 tỷ đồng, kinh phí Trung ương phải đảm bảo là 31,522 tỷ đồng ( $80\% \times 39,403 \text{ tỷ đồng}$ ), trong đó, Trung ương đã bổ sung trong dự toán đầu năm là 25,387 tỷ đồng, phần kinh phí còn thiếu là 6,135 tỷ đồng.

## **VI. Đánh giá thực hiện một số nhiệm vụ khác năm 2021**

1. Tình hình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, chế độ hỗ trợ phụ cấp chống dịch, chi mua vắc xin Covid-19, chi mua sắm, sửa chữa và các khoản chi khác theo quy định tại các Nghị quyết của Chính phủ: số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, số 154/NQ-CP ngày 19/10/2020, số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19, số 17/NQ-CP ngày 09/02/2021 về chi hỗ trợ tiền ăn và bồi dưỡng chống dịch COVID-19 trong 05 ngày Tết Nguyên Đán năm Tân Sửu 2021, số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; số 21/NQ-CP ngày 26/02/2021 về mua và sử dụng vắc xin phòng Covid-19 và hỗ trợ kinh phí phòng, chống thiên tai, dịch bệnh khác.

Đến nay, ngân sách tỉnh đã chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo các quy định nêu trên là 45,98 tỷ đồng; trong đó: kinh phí chi hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 là 0,887 tỷ đồng. Dự kiến năm 2021 chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 là 166,34 tỷ đồng (trong đó chi kinh phí chi hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP là 69,32 tỷ đồng).

2. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh: Kinh phí dự phòng bố trí dự toán đầu năm 2021 là 245,6 tỷ đồng, trong đó chi dự phòng ngân sách cấp tỉnh 120 tỷ đồng. Đến tháng 8/2021 đã sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh 83 tỷ đồng; trong đó, tập trung chi phòng chống dịch Covid-19 và dịch ở gia súc, gia cầm, phần còn lại tiếp tục thực hiện cho công tác phòng chống dịch.

3. Về tình hình vay nợ của ngân sách địa phương

a) Các khoản vay đầu tư, ngân sách tỉnh phải bố trí trả nợ:

- Số dư đầu năm 2021: 33,83 tỷ đồng;



- Số phát sinh tăng trong kỳ: 41,3 tỷ đồng;
- Số phát sinh giảm trong kỳ: 1,36 tỷ đồng.
- Số dư nợ vay đến 30/6/2021: 73,77 tỷ đồng.

b) Dư nợ vay đầu tư dự án Năng lượng nông thôn II (RE II) đến 30/6/2021 là: 130,05 tỷ đồng. Khoản vay này do Công ty Điện lực Quảng Ngãi bố trí nguồn trả nợ (ngân sách tỉnh không phải trả khoản vay này).

4. Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Thanh tra trong lĩnh vực tài chính – NSNN, quản lý tài sản công:

Thực hiện các văn bản của Kiểm toán nhà nước: số 415/KTNN-TH ngày 14/12/2020, số 416/TB-KTNN ngày 14/12/2020 về kết quả kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Quảng Ngãi và số 373/KVIII-TH ngày 18/12/2020 về việc gửi Báo cáo kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán. UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành các văn bản: số 234/UBND-KT ngày 16/01/2021, số 422/UBND-KT ngày 27/01/2021, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có các báo cáo số 52/BC-UBND ngày 19/4/2021 và số 80/BC-UBND ngày 01/6/2021 về kết quả thực hiện Kết luận kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019, kết quả thực hiện các kiến nghị còn lại đang thực hiện và chưa thực hiện tại các Báo cáo kiểm toán năm 2018 và báo cáo kiểm toán các năm trước, gửi Bộ Tài chính và Kiểm toán nhà nước theo quy định.

## PHẦN II

### Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

#### I. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022

##### 1. Dự báo tác động đến nguồn thu năm

Năm 2022, cơ cấu, tỷ trọng nguồn thu trên địa bàn tỉnh phần lớn là phụ thuộc vào số thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất (chiếm trên 50% tổng thu nội địa). Tuy nhiên, dự báo kinh tế tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid 19 làm ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN trong năm 2022 đặc biệt là số thu từ NMLD Dung Quất. Một số khó khăn như sau:

(1) Đối với NMLD Dung Quất: Sản lượng tiêu thụ từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất có xu hướng giảm dần nguyên nhân do ảnh hưởng dịch Covid 19 và có sự cạnh tranh từ sản phẩm của NMLD Nghi Sơn; sản lượng khai thác dầu thô tại mỏ Bạch Hổ đang giảm dần và không đủ nguyên liệu sản xuất dầu vào nên Nhà máy phải tìm nguồn nhập khẩu dầu thô từ nước ngoài; giá dầu thế giới biến động khó lường; hiện tại dịch Covid 19 đang bùng phát trở lại, nhất là các tỉnh phía Nam gây khó khăn lớn đến tiêu thụ sản phẩm xăng, dầu của nhà máy sản xuất ra, làm ảnh hưởng đến việc nộp ngân sách trong thời gian đến.

(2) Về thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh các năm gần đây tăng trưởng khá cả về số lượng và vốn đầu tư, tuy nhiên hầu hết các nhà đầu tư tập trung đầu tư vào



Khu kinh tế Dung Quất và Khu công nghiệp VSIP chưa có phát sinh số nộp NSNN, vì đang hưởng ưu đãi về thuế; bên cạnh đó, phần lớn sản phẩm do các nhà máy sản xuất là xuất khẩu nên không phát sinh số thuế GTGT nộp NSNN,..

(3) Thuế bảo vệ môi trường: Khoản thu này hiện nay trên địa bàn đang có xu hướng giảm do ảnh hưởng của dịch Covid 19 trong nước làm giảm sản lượng tiêu thụ; nếu tình hình dịch Covid 19 trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp và trong nước chưa được kiểm chế, thì nguồn thu này trong năm 2022 và giai đoạn 2022-2024 không đảm bảo tăng thu theo tỷ lệ chung, làm ảnh hưởng lớn tổng thu NSNN trên địa bàn. Ngoài ra, Công ty PV OIL Miền Trung sẽ chuyển địa chỉ trụ sở chính từ tỉnh Quảng Ngãi đến thành phố Đà Nẵng dự kiến từ đầu tháng 9/2021, sẽ ảnh hưởng giảm thu hơn 250 tỷ đồng đối với số thu năm 2022.

(4) Thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh trầm lắng từ cuối năm 2019 đến nay, các dự án bất động sản do doanh nghiệp làm chủ đầu tư bị vướng mắc cơ chế chính sách từ giao đất sang tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư còn vướng mắc về thủ tục nên khả năng trong năm 2022 triển khai chậm.

(5) Nguồn thu từ thủy điện trên địa bàn phụ thuộc rất nhiều vào lượng nước mưa về lòng hồ, nhất là số thu của Thủy điện Đăkdrinh.

## **2. Về xây dựng dự toán 2022**

Sau khi tính toán khả năng, nguồn lực thực tế và dự ước thực hiện trong năm 2022, tỉnh Quảng Ngãi xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước như sau:

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2022 là 18.486,5 tỷ đồng, bằng 92,1% so với ước thực hiện năm 2021; trong đó:

a) Thu nội địa 11.345 tỷ đồng, bằng 92,1% so với ước thực hiện 2021. Trong đó thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất 5.745 tỷ đồng, bằng 82,2% so ước thực hiện năm 2021; thu tiền sử dụng đất 600 tỷ đồng, bằng 100% so ước thực hiện năm 2021; các khoản còn lại thu 5.000 tỷ đồng, tăng 5,8% so ước thực hiện năm 2021.

### **\* Cơ sở xây dựng dự toán một số khoản thu ngân sách nhà nước năm 2022**

(1) Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: Dự toán 6.028 tỷ đồng; bằng 82,5% so với ước thực hiện 2021. Trong đó:

- Thu từ NMLD Dung Quất: Dự kiến sản lượng sản phẩm tiêu thụ là 6,2 triệu tấn; giá dầu thô bình quân 60 USD (*thấp hơn giá dầu năm 2021 là 1,8 USD*); tỷ trọng dầu nhập từ mỏ Bạch Hổ chiếm 18% tổng lượng dầu thô nhập vào; thuế phải nộp 5.745 tỷ đồng, giảm 17,8% so với ước thực hiện năm 2021.

- Thu từ Thủy điện Đăkdrinh: Dự kiến sản lượng điện đạt 540 triệu kwh (bằng công suất thiết kế); các khoản thuế nộp tại Quảng Ngãi: 83 tỷ đồng (*thuế GTGT 53 tỷ đồng và thuế tài nguyên 30 tỷ đồng*).

- Thu từ các DNNN trung ương còn lại: dự toán 200 tỷ đồng, bằng 90,9% so với ước thực hiện năm 2021.



(2) Thu từ DNNN địa phương: Số lượng DN địa phương còn lại không nhiều, hầu hết đã cổ phần hóa và chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ nên số nộp NS thường không ổn định. Dự toán 45 tỷ đồng, bằng 100% ước thực hiện năm 2021.

(3) Thu từ DN có vốn ĐTNN: Dự toán 310 tỷ đồng, tăng 9,2% so ước thực hiện 2021; Trong đó:

(4) Khu vực ngoài quốc doanh: Năm 2022, Công ty CP thép Hòa Phát không còn phát sinh 17,3 tỷ thuế TNDN. Dự toán thu năm 2022 là 2.442 tỷ đồng, tăng 8,6% so ước thực hiện năm 2021. Trong đó:

- Thu từ Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi: Dự kiến sản lượng tiêu thụ 102 triệu lít (tăng 7 triệu lít so với sản lượng tiêu thụ năm 2021). Các khoản thuế phải nộp 1.006 tỷ đồng.

- Thu từ Công ty CP Đường Quảng Ngãi: Dự toán xây dựng tiêu thụ 52 triệu lít bia Dung Quất, tăng 9 triệu lít so với sản lượng năm 2021. Các khoản thuế nộp ngân sách 410 tỷ đồng; tăng 12,3 tỷ đồng so với ước thực hiện năm 2021.

- Thu từ các doanh nghiệp còn lại: dự toán 950 tỷ đồng, tăng 5,6% ước thực hiện năm 2021.

- Thu từ hộ kinh doanh: dự toán 76 tỷ đồng, tăng 16,9% ước thực hiện năm 2021.

(5) Thuế thu nhập cá nhân: dự toán 420 tỷ đồng, tăng 2,4% ước thực hiện năm 2021.

(6) Thuế BVMT: Dự toán 740 tỷ đồng; tăng 2,8% so thực hiện năm 2021.

(7) Tiền sử dụng đất: 600 tỷ đồng; bằng 100% so ước thực hiện năm 2021.

(8) Thu xổ số kiến thiết: 95 tỷ đồng, tăng 5,6% so với ước thực hiện năm 2021.

(9) Thu khác ngân sách: 195 tỷ đồng, tăng 14,7% ước thực hiện năm 2021.

*Dự toán thu nội địa năm 2022 là 11.345 tỷ đồng, theo tỷ lệ % phân chia đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương là trung ương 12%, địa phương 88%; thì số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 9.583,756 tỷ đồng.*

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Trên cơ sở phân tích, dự báo tình hình hoạt động xuất nhập khẩu, các nguồn thu năm 2022, tình hình diễn biến dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh và cả nước, dự toán thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu năm 2022 là 7.141,555 tỷ đồng, bằng 92% so với số thu dự kiến thực hiện năm 2021.

## **II. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022**

Thực hiện theo Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2022 – 2024; trên cơ sở dự thảo về nguyên tắc, tiêu chí và định



mức chi thường xuyên của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự toán chi năm 2022 được xây dựng như sau:

1. Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương là **13.023 tỷ đồng**, bằng 126% so với ước thực hiện năm 2021; trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển 3.408 tỷ đồng, bằng 152,3% so với ước thực hiện năm 2021 (chưa bao gồm nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia và các mục tiêu, nhiệm vụ khác); gồm:

- Nguồn cân đối ngân sách địa phương 2.441 tỷ đồng;
- Chi từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất 600 tỷ đồng;
- Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết 95 tỷ đồng.
- Bổ sung các quỹ ngoài ngân sách 30 tỷ đồng.
- Chi từ nguồn bội chi: 242 tỷ đồng

b) Chi thường xuyên 9.247 tỷ đồng, bằng 114,3% so với ước thực hiện năm 2021 (theo mức lương cơ sở 1,490 triệu đồng).

c) Chi trả lãi vay: 8,345 tỷ đồng.

d) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 10 tỷ đồng.

đ) Dự phòng ngân sách: 350 tỷ đồng.

2. Chi từ nguồn TW bổ sung có mục tiêu: 4.221,7 tỷ đồng. Trong đó:

a) Chi chương trình mục tiêu quốc gia: 1.608 tỷ đồng;

b) Bổ sung chi đầu tư xây dựng cơ bản theo mục tiêu, nhiệm vụ khác: 1.968,5 tỷ đồng.

c) Bổ sung chi sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định: 645,4 tỷ đồng

*(Chi tiết theo các mẫu biểu từ số 01 đến số 14 kèm theo)*

### **III. Kiến nghị, đề xuất**

1. Đối với dự toán thu

a) Đề nghị Bộ Tài chính không giao số thu NSNN năm 2022 của Công ty PV OIL Miền Trung khi Công ty đã có tờ khai chuyển địa điểm đặt trụ sở chính gửi Cục Thuế Quảng Ngãi ngày 11/8/2021 (chuyển đến thành phố Đà Nẵng dự kiến trong tháng 9/2021). Đề nghị Bộ Tài chính chuyển số thu này, giao dự toán cho địa phương có liên quan.

b) Đề đảm bảo nguồn thu NSNN năm 2021 và năm 2022, kính đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Công ty kinh doanh xăng dầu hạn chế nhập khẩu xăng dầu mà ưu tiên cho tiêu thụ sản phẩm xăng dầu của các nhà máy sản xuất trong nước (NMLD Dung Quất, Nghi Sơn) để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua thời điểm khó khăn do tác động nặng nề của đại dịch Covid 19 hiện nay.

2. Đối với dự toán chi



a) Dự toán thu nội địa năm 2022 của tỉnh Quảng Ngãi theo số thảo luận vòng 1 với Tổng Cục thuế là 11.345 tỷ đồng, thì số thu ngân sách địa phương được hưởng là **9.584 tỷ đồng**.

Dự toán chi năm 2022, địa phương xây dựng trên cơ sở quy định tại Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính và theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức theo dự thảo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo đó, địa phương đã xác định tổng chi cân đối ngân sách địa phương là **12.781 tỷ đồng** (không bao gồm chi từ nguồn bội chi).

Như vậy, qua dự kiến số thu, chi năm 2022 như đã nêu trên thì tỉnh Quảng Ngãi không đảm bảo nguồn lực để cân đối chi. Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét trình Chính phủ điều chỉnh tỷ lệ điều tiết hoặc bổ sung cân đối cho địa phương **3.197 tỷ đồng** (12.781 tỷ đồng - 9.584 tỷ đồng) để đảm bảo mặt bằng chi năm 2022.

b) Đối với huyện đảo Lý Sơn là đảo tiền tiêu của Tổ quốc, để có nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, bảo vệ chủ quyền biển đảo; kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét trình Chính phủ bổ sung có mục tiêu hàng năm khoảng 300 tỷ đồng mà UBND tỉnh Quảng Ngãi đã đề nghị tại Công văn số 3036/UBND-KT ngày 30/6/2021.

c) Đối với chính sách khuyến khích khai thác hải sản xa bờ trên các vùng biển xa theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ :

Theo dự thảo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì không bố trí trong cân đối, đề nghị Trung ương bổ sung ngay từ đầu năm như tỉnh chưa tự cân đối mà UBND tỉnh Quảng Ngãi đã đề nghị tại Công văn số 3036/UBND-KT ngày 30/6/2021.

d) Đề nghị Trung ương bổ sung có mục tiêu kinh phí diễn tập phòng thủ cấp tỉnh năm 2022, với kinh phí là 25 tỷ đồng.

3. Kính đề nghị Trung ương sớm ban hành các quy định về cơ chế, nguyên tắc bố trí vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và thông báo số dự toán 2022, để địa phương chủ động trong việc bố trí kinh phí đối ứng thực hiện.

4. Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí dự toán năm 2022 cho tỉnh Quảng Ngãi như sau:

a) Bố trí khoản kinh phí là 133,856 tỷ đồng để thu hồi các khoản ứng trước mà ngân sách trung ương đã tạm ứng cho tỉnh Quảng Ngãi để chi đầu tư phát triển và chi tạm ứng Chương trình công nghệ thông tin năm 2008, đã quá hạn nhiều năm nhưng đến nay chưa cấp bổ sung cho tỉnh Quảng Ngãi để thu hồi và quyết toán theo quy định.

*(Chi tiết như Phụ lục số 03 kèm theo)*

b) Bố trí vốn để thực hiện Dự án Hợp phần di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong 52,002 tỷ đồng. Dự án đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt với tổng mức đầu tư là 656,141 tỷ đồng; trong đó: Nguồn vốn Trái phiếu chính phủ là 372,777 tỷ đồng, vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương



là 283,364 tỷ đồng. Đến nay Trung ương đã bố trí đủ nguồn vốn Trái phiếu chính phủ cho Dự án là 372,777 tỷ đồng, riêng phần kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương còn lại chưa bố trí là 52,002 tỷ đồng. Đề nghị Trung ương bổ sung kinh phí cho địa phương 52,002 tỷ đồng để thực hiện Dự án.

### PHẦN III

#### Lập kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2022-2024

##### I. Kế hoạch thu, chi NSNN năm 2022:

Tại Phần II - Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

##### II. Kế hoạch thu, chi NSNN năm 2023-2024

###### 1. Năm 2023

1.1. Thu ngân sách nhà nước: 19.478,5 tỷ đồng; trong đó:

a) Thu nội địa: Dự kiến tổng thu 11.761 tỷ đồng; bằng 103,7% so dự kiến thu năm 2022. Trong đó:

- Thu từ DNNN Trung ương: 5.232 tỷ đồng; bằng 86,8% so dự kiến thu năm 2022.

- Thu tiền sử dụng đất: 1.000 tỷ đồng; bằng 166,7% dự kiến năm 2022.

- Thu từ Xổ số kiến thiết 110 tỷ đồng; bằng 115,8% so dự kiến 2022.

- Các khoản thu còn lại: 5.419 tỷ đồng; bằng 117,2% so dự kiến thu năm 2022.

b) Thu xuất nhập khẩu: 7.717,5 tỷ đồng, tăng 8,1% so với dự kiến thu năm 2022.

1.2. Chi ngân sách nhà nước

Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương là 14.278 tỷ đồng, bằng 109,6% so với dự toán năm 2022; trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển: 3.981 tỷ đồng.

b) Chi thường xuyên: 9.890 tỷ đồng.

c) Chi trả lãi vay: 16,7 tỷ đồng.

d) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 10 tỷ đồng.

đ) Dự phòng ngân sách: 380 tỷ đồng.

###### 2. Năm 2024

2.1. Thu ngân sách nhà nước: 21.130,3 tỷ đồng; trong đó:

a) Thu nội địa: Dự kiến thu 13.027 tỷ đồng; bằng 110,8% so dự kiến thu năm 2023. Trong đó:

- Thu từ DNNN Trung ương: 6.191 tỷ đồng; bằng 118,3% so dự kiến thu năm 2023.



- Thu tiền sử dụng đất: 1.000 tỷ đồng; bằng 100% dự kiến năm 2023.
- Thu từ xổ số kiến thiết 112 tỷ đồng; bằng 101,8% dự kiến năm 2023.
- Các khoản thu còn lại: 5.724 tỷ đồng; tăng 5,6% so dự kiến thu năm 2023.

b) Thu xuất nhập khẩu: 8.103,3 tỷ đồng, tăng 5% so năm 2023.

## 2.2. Chi ngân sách nhà nước

Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương là 15.052 tỷ đồng, tăng 5,4% so với dự toán năm 2023; trong đó:

- a) Chi đầu tư phát triển: 4.088 tỷ đồng.
- b) Chi thường xuyên: 10.496 tỷ đồng.
- c) Chi trả lãi vay: 28 tỷ đồng.
- d) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 10 tỷ đồng.
- đ) Dự phòng ngân sách: 400 tỷ đồng.

*(Chi tiết theo các Mẫu biểu số 15 đến 24 kèm theo)*

Kính báo cáo Bộ Tài chính quan tâm, xem xét./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, CBTH;
- Lưu VT, KTTiền455.



**Đặng Văn Minh**